

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **33/2022/DSST**

Ngày: 17 – 08 – 2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Y Nik Ê Ban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Bà Giản Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-DS, ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Đường L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện là ông: Ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Xuân H – chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Hữu M, sinh năm 1979 – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch – Kinh doanh chi nhánh E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ: Khối M, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Thế B. Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/02/2016, bà Bùi Thị H có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh E (sau đây viết tắt là ngân hàng) số tiền 70.000.000 đồng với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất là 11,64%/ năm. Hình thức vay là tín chấp. Việc trả tiền gốc cũng như tiền lãi của khoản vay được trừ vào tiền lương và các khoản thu nhập hàng tháng của bà H để trả nợ. Bà H tại thời điểm ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng thì đang công tác tại UBND xã P, tuy nhiên vào tháng 04/2018 bà H đã nghỉ việc tại Ủy ban nên không thực hiện trả nợ hàng tháng như các cam kết.

Hiện nay, bà H mới trả cho Ngân hàng được 58.851.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 11.149.000 đồng. Trong đó nợ lãi tính đến ngày 17/08/2022 là 10.536.290 đồng. Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H không trả thêm một khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 17/08/2022 là 21.685.290 đồng, đồng thời có trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với ông Cao Thế B là chồng bà H, nhưng thời điểm vay ông B không biết, không tham gia ký trên hợp đồng vay, nên không yêu cầu ông B liên đới trả nợ cùng với bà H.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Thế B vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông B.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc, cùng lãi suất phát sinh còn lại theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Xét yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 17/08/2022 là 21.685.290 đồng, đồng thời có trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã xác định: Theo hợp đồng tín dụng số 439/HĐTD, ngày 04/02/2016, bà Bùi Thị H có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh E số tiền 70.000.000 đồng, với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất là 11,64%/ năm, hình thức vay là tín chấp, việc trả tiền gốc cũng như tiền lãi của khoản vay được trừ vào tiền lương và các khoản thu nhập hàng tháng của bà H để trả nợ. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay cho đến nay đã quá thời hạn trả nhưng

bà H mới thực hiện trả nợ được một phần nghĩa vụ là vi phạm các cam kết trả nợ trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại là 11.149.000 đồng, lãi suất tạm tính đến ngày 17/08/2022 là 10.536.290 đồng.

Kể từ ngày 18/08/2022, bà Bùi Thị H còn phải chịu lãi trên tổng số nợ gốc phải trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 439/HĐTD, ngày 04/02/2016.

Đối với ông Cao Thế B là chồng của bà H không phải là một bên tham gia ký kết hợp đồng vay, việc vay của bà H ông B không biết, nguyên đơn cũng không yêu cầu liên đới trả nợ. Do đó, không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.084.264 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 21.685.290 đồng. Trong đó, tiền gốc 11.149.000 đồng, lãi suất tạm tính đến ngày 17/08/2022 là 10.536.290 đồng.

Kể từ ngày 18/08/2022, bà Bùi Thị H còn phải chịu lãi trên tổng số nợ gốc phải trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 439/HĐTD, ngày 04/02/2016.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.084.264 đồng.

Trả lại cho Ngân Hàng N. 926.940 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005799, ngày 13/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý

